

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 16-3-2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Tấn Đức – Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Đức T; địa chỉ: Thôn M, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Đức N; địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị L; địa chỉ: Thôn H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Ông Trần Đức Q; địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Ông Trần Đức T; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Anh Trần Đức A; địa chỉ: Thôn M, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Chị Trần Thị Phương T1; sinh ngày 02/02/2004; địa chỉ: Thôn M, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai có cho ông Trần Đức

S vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 1583/2017/HĐTD ngày 18-4-2017 như sau: Số tiền vay là 150.000.000 đồng; mục đích vay là để đáp ứng nhu cầu chi phí, sản xuất kinh doanh, đời sống hộ gia đình; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 18-4-2017; lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ lãi 03 tháng/lần, gốc trả cuối kỳ. Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông S có giao kết Hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 720417/HĐTC ngày 17-4-2017, tài sản T chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 42 tại làng M, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 525283 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-12-2014 cho ông Puih H, đã được đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Trần Đức S ngày 10-4-2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông S chỉ trả được cho Ngân hàng khoản tiền lãi là 7.666.668 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và nợ lãi. Ngày 15-12-2017, ông S chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S cũng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng nên đến ngày 19-4-2018 Ngân hàng đã chuyển nợ gốc sang nợ quá hạn.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng chỉ xác định được anh Trần Đức T là con của ông S nên khởi kiện buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông S với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S. Đến nay, Ngân hàng đã xác định được đầy đủ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S nên thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S gồm anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 16-3-2022 là 245.549.086 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.521.689 đồng, nợ lãi quá hạn là 88.027.397 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S không trả hết số tiền nợ thì Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản T chấp để thu hồi nợ.

2. Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đức N, bà Trần Thị L, ông Trần Đức Q và ông Trần Đức T đều trình bày: Ông N, bà L, ông Q và ông T đã được Tòa án thông báo cho họ về việc tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đức S. Ông N, bà L, ông Q và ông T được biết việc ông S T chấp tài sản vay tiền của Ngân hàng N không liên quan gì đến họ vì tài sản T chấp là của ông S. Ông N, bà L, ông Q và ông T đều từ chối các quyền thừa kế của mình liên quan đến tài sản là di sản của ông S, từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt họ.

3. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là anh Trần Đức T, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 đến làm việc liên quan đến vụ án N họ đều trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của họ.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Sổ hộ khẩu Trần Đức S; Bảng kê tính lãi; Hợp đồng tín dụng số 1583/2017/HĐTD ngày 18-4-2017; Hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 720417/HĐTC ngày 17-4-2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 525283 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-12-2014 cho ông Puih H, đã được đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Trần Đức S ngày 10-4-2017; Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 18-4-2017; Theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ; Đơn yêu cầu đăng ký T chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 17-4-2017; Thông báo lãi đến hạn ngày 10-01-2018; Thông báo lãi đến hạn ngày 10-4-2018; Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 19-4-2018; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20-02-2017; Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ ngày 22-02-2019; Quyết định ủy quyền ngày 27-12-2019; Quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngày 18-12-2019; Quyết định ban hành Điều lệ ngày 23-4-2012; Điều lệ Ngân hàng N; Danh sách mạng lưới chi nhánh Ngân hàng N; Quyết định số 2965 ngày 27-12-2019; 02 Chứng từ giao dịch ngày 19-4-2017 và ngày 06-11-2017; Thông báo về việc ủy quyền hết hiệu lực ngày 01-7-2021; Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ ngày 17-6-2021; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21-9-2021; Bảng thanh toán ngày 21-9-2021; Trích lục khai tử Trần Đức S; Công văn số 97 ngày 05-10-2020 của UBND thị trấn K; Biên bản lấy lời khai ngày 28-10-2019; Biên bản lấy lời khai ngày 19-8-2019; Biên bản làm việc ngày 02-6-2020; Công văn số 151 ngày 11-6-2020; Trích lục khai tử Trần Thị Chao; Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18 ngày 15-5-2015; Công văn số 13 ngày 19-11-2020 của Công an xã Mỹ Hà; Bản khai nhân khẩu Trần Thị L; Sổ hộ khẩu Trần Thị L; Công văn số 2509 ngày 08-9-2021 của Công an huyện G; Trích lục khai tử Nguyễn Thị Danh; Giấy khai sinh; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 23-01-2017; Biên bản xác minh ngày 05-11-2021.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn là anh Trần Đức T, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức Anh, chị Trần Thị Phương T1, ông Trần Đức N, bà Trần Thị L, ông Trần Đức Q và ông Trần Đức T đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật

Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng khởi kiện buộc anh Trần Đức T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Đức S với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S. Tại phiên tòa, Ngân hàng đã xác định được đầy đủ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S nên thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S gồm anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai N vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ. Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Đức N, bà Trần Thị L, ông Trần Đức Q và ông Trần Đức T đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 1583/2017/HĐTD ngày 18-4-2017 giữa nguyên đơn với ông Trần Đức S được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Ngày 15-12-2017, ông Trần Đức S chết không để lại di chúc. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đức S gồm các con là anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1, mẹ là bà Trần Thị Chao. Ngày 12-02-2020, bà Trần Thị Chao chết không để lại di chúc nên phần thừa kế lẽ ra bà Trần Thị Chao được hưởng được chuyển tiếp cho các con gồm ông Trần Đức N, bà Trần Thị L, ông Trần Đức Q và ông Trần Đức T. Tuy nhiên, ông Trần Đức N, bà Trần Thị L, ông Trần Đức Q và ông Trần Đức T đều từ chối các quyền thừa kế của mình liên quan đến tài sản là di sản của ông Trần Đức S. Như vậy, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đức S chỉ còn lại bao gồm các con là anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1. Sau khi ông Trần Đức S chết, anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không cung cấp chứng cứ về việc thỏa thuận phân chia nghĩa vụ về tài sản của ông Trần Đức S theo hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu họ phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 615, Điều 620, Điều 651 của Bộ Luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đức S gồm anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 16-3-2022 là 245.549.086 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.521.689 đồng, nợ lãi quá hạn là 88.027.397 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Chia theo phần mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ tương ứng với phần nghĩa vụ của ông Trần Đức S là $245.549.086 \text{ đồng} / 3 = 81.849.693 \text{ đồng}$. Tuy nhiên phần nghĩa vụ nói trên đối với người kế thừa nghĩa vụ chỉ nằm trong phạm vi di sản là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng do ông Trần Đức S để lại.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Trần Đức S có giao kết Hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác

gắn liền với đất số 720417/HĐTC ngày 17-4-2017, tài sản T chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 42 tại làng M, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 525283 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-12-2014 cho ông Puih H, đã được đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Trần Đức S ngày 10-4-2017. Hợp đồng nói trên có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực và các bên buộc phải thực hiện. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 21-9-2020 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng T chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản T chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 là người phải chịu nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 phải liên đới hoàn trả lại cho N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.500.000 đồng, chia theo phần mỗi người phải chịu số tiền là 1.166.667 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 là người phải chịu nghĩa vụ trả nợ nên phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.277.454 đồng, chia theo phần mỗi người phải chịu số tiền án phí là 4.092.485 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 307, Điều 463, Điều 466, Điều 615, Điều 620, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đức S gồm anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1583/2017/HĐTD ngày 18-4-2017 được giao kết Ngân hàng N với ông Trần Đức S tính đến ngày 16-3-2022 là 245.549.086 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn không trăm tám mươi sáu đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 7.521.689 đồng (bảy triệu năm trăm hai mươi một nghìn sáu trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 88.027.397 đồng (tám mươi tám triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Chia theo phần, anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 mỗi người phải thực hiện nghĩa vụ tương ứng với phần

nghĩa vụ của ông Trần Đức S là 81.849.693 đồng (tám mươi một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng). Nghĩa vụ trả nợ của anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 và tiền lãi phát sinh chỉ nằm trong phạm vi di sản do ông Trần Đức S để lại và đang T chấp cho Ngân hàng N là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 42 tại làng M, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 525283 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-12-2014 cho ông Puih H, đã được đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Trần Đức S ngày 10-4-2017.

3. Trong trường hợp những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đức S gồm anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 không trả đủ số tiền nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản T chấp theo Hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 720417/HĐTC ngày 17-4-2017. Tài sản T chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 42 tại làng M, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 525283 được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 22-12-2014 cho ông Puih H, đã được đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Trần Đức S ngày 10-4-2017.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thanh toán phần nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N phải tự chịu đối với số tiền còn thiếu; Trường hợp xử lý tài sản thế chấp đủ để thanh toán phần nghĩa vụ trả nợ và còn thừa thì phần tiền còn thừa được xác định là di sản còn lại của ông Trần Đức S và trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đức S gồm anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Đức S gồm anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với phần nghĩa vụ của mình theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 phải liên đới hoàn trả lại cho N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng), chia theo phần mỗi người phải chịu số tiền là 1.166.667 đồng (một triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Buộc anh Trần Đức T, anh Trần Đức A và chị Trần Thị Phương T1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.277.454 đồng (mười hai triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng), chia theo phần mỗi người phải

chịu số tiền án phí là 4.092.485 đồng (bốn triệu không trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng); Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.125.685 đồng (năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0006069 ngày 13-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai (Phòng KTNV)
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính